



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ-VPCNCL
ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm

Laboratory: Laboratory

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
Nhà máy Xi măng Kiên Lương

Organization: Branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
Kien Luong Cement Plant

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu Xây dựng

Field of testing: Civil Engineering

Người quản lý: Trần Ngọc Xuân

Laboratory manager:

Số hiệu/ Code: VILAS 057

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày / /2025 đến ngày 28/05/2030

Địa chỉ/ Address: Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
National Highway 80, Kien Luong town, Kien Luong district, Kien Giang province

Địa điểm/Location: Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
National Highway 80, Kien Luong town, Kien Luong district, Kien Giang province

Điện thoại/ Tel: 02973853004

Fax: 02973853005

E-mail: tranngocxuan@vicemhatien.com.vn

Website: vicemhatien.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 057

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu Xây dựng

Field of testing: Civil Engineering

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xi măng Cement	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of normal consistency</i>	(20 ~ 32) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
2.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0,1 ~ 10) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
3.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	(45 ~ 420) Min	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008) ASTM C191-21
4.		Xác định độ bền nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 65) MPa	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009) ASTM C109/C109M-20
5.		Xác định độ mịn. Phương pháp sàng 0,045 mm <i>Determination of fineness. Sieve 0,045 mm method</i>	(0,5 ~ 25) %	TCVN 13605:2023
6.		Xác định độ mịn. Phương pháp thấm không khí (Blaine) <i>Determination of fineness. Blaine method</i>	(2.500 ~ 6.000) cm ² /g	TCVN 13605:2023
7.		Xác định hàm lượng bột khí <i>Determination of air content</i>	(0,1 ~ 12) %	ASTM C185-20
8.		Xác định hàm lượng cặn không tan <i>Determination of insoluble residue content</i>	(0,2 ~ 30) %	TCVN 141:2023
9.		Xác định hàm lượng mất khi nung <i>Determination of loss on ignition content</i>	(0,5 ~ 30) %	TCVN 141:2023
10.		Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>	(1 ~ 4) %	TCVN 141:2023
11.	Clanhke Clinker	Xác định hàm lượng cặn không tan <i>Determination of insoluble residue content</i>	(0,05 ~ 1,5) %	TCVN 141:2023
12.		Xác định hàm lượng mất khi nung <i>Determination of loss on ignition content</i>	(0,1 ~ 1,5) %	TCVN 141:2023
13.		Xác định hàm lượng SO ₃ <i>Determination of SO₃ content</i>	(0,1 ~ 3,5) %	TCVN 141:2023
14.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of normal consistency</i>	(20 ~ 32) %	TCVN 6017:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 057

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
15.	Clanhke Clinker	Xác định hàm lượng SO_3 , SiO_2 , Al_2O_3 , Fe_2O_3 , CaO , MgO , CaO_{td} Phương pháp huỳnh quang tia X <i>Determination of SO_3, SiO_2, Al_2O_3, Fe_2O_3, CaO, MgO, Free CaO content</i> <i>X-ray fluorescence method</i>	SO_3 : (0,20 ~ 1,50) %	HD716-00-11:2023 (Ref. ISO 29581-2:2010)
			SiO_2 : (20 ~ 23,35) %	
			Al_2O_3 : (4,0 ~ 6,0) %	
			Fe_2O_3 : (2,5 ~ 4,5) %	
			CaO : (61,35 ~ 68) %	
			MgO : (1,00 ~ 3,50) %	
			CaO_{td} : (0,5 ~ 5,0) %	
16.		Xác định độ ổn định thể tích <i>Determination of soundness</i>	(0,1 ~ 10) %	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
17.		Xác định thời gian đông kết <i>Determination of setting time</i>	(44 ~ 420) Min	TCVN 6017:2015 (ISO 9597:2008)
18.		Xác định độ bền nén <i>Determination of compressive strength</i>	(5 ~ 65) MPa	TCVN 6016:2011 (ISO 679:2009)

Ghi chú/Note:

ASTM: American Society for Testing and Materials

HD716-00-11:2023: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ Laboratory developed method

Trường hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên – Nhà máy Xi măng Kiên Lương cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên – Nhà máy Xi măng Kiên Lương phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the Branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company - Kien Luong Cement Plant that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service

Pham